

Số: 363 /HSYC-CPĐT

Cần Thơ, ngày 12 tháng 12 năm 2025

HỒ SƠ YÊU CẦU

Về việc chào giá cung cấp dịch vụ bảo hiểm xe ô tô, phương tiện vận tải

Kính gửi: Các nhà cung ứng dịch vụ, hàng hóa.

Thực hiện chủ trương hình thức lựa chọn đơn vị cung ứng nguyên, nhiên vật liệu, dịch vụ phục vụ công tác thường xuyên năm 2026, được phê duyệt tại Công văn số 362/CPĐT ngày 12/12/2025. Công ty cổ phần Đô thị Cần Thơ phát hành hồ sơ yêu cầu về việc chào giá cung cấp dịch vụ bảo hiểm xe ô tô, phương tiện vận tải với các nội dung chính:

1. Thông tin về dịch vụ, hàng hóa yêu cầu chào giá.

- Dịch vụ bảo hiểm xe ô tô, phương tiện vận tải năm 2026:
- + Trách nhiệm dân sự bắt buộc, MTN: 150 triệu đồng.
- + Tai nạn lái phụ xe, MTN: 100 triệu đồng.
- + Vật chất xe.
- Số lượng: **64 xe**, đính kèm danh sách và thông tin yêu cầu (một số xe còn lại do đang sửa chữa, khi xe ra hoạt động sẽ có phiếu yêu cầu để bên cung cấp dịch vụ bảo hiểm thực hiện, về chi phí dịch vụ sẽ thực hiện theo phí chào giá được duyệt)

2. Các yêu cầu nhà cung ứng cam kết:

- Giá chào là giá đã bao gồm tất cả chi phí cung cấp hàng hóa, dịch vụ, thuế, phí và vận chuyển, giao hàng đến kho của bên yêu cầu.
- Các yêu cầu nhà cung ứng cam kết:
 - + Hàng hóa, dịch vụ được cung cấp liên tục, kịp thời theo đặt hàng của bên sử dụng, đảm bảo tiến độ kịp thời giá cả cạnh tranh, chất lượng đảm bảo, phương thức giao nhận, thanh toán linh hoạt.
 - + Mô tả, **phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm của bên cung ứng và nhận cung ứng.**
 - + Địa điểm và thời gian cụ thể cung cấp dịch vụ, hàng hóa khi nhận được đơn hàng hoặc yêu cầu.
 - + Giới thiệu sản phẩm, Cam kết chất lượng và nhà sản xuất hàng hóa (các giấy chứng nhận xuất xứ, **ủy quyền/ hợp đồng đại lý grara sửa chữa**,...), vật tư thay sửa chính hãng.

- + Các chính sách bảo hành, khuyến mãi, chiết khấu, hỗ trợ sau bán hàng,...
- Mô tả chi tiết **quy trình xử lý tai nạn, giải quyết bảo hiểm, mối quan hệ, trách nhiệm giữa các bên liên quan và thành phần hồ sơ sự việc.**

3. Hình thức lựa chọn nhà cung ứng:

- Hình thức chào giá rộng rãi trong nước.
- Công ty lựa chọn nhà cung ứng, trên nguyên tắc:
 - + Giá cả cạnh tranh.
 - + Chất lượng, dịch vụ, hậu mãi, các cam kết phù hợp với yêu cầu...
 - + Phương thức thanh toán linh hoạt.
 - + Ưu tiên khách hàng truyền thống nếu cùng đạt các tiêu chí khác.
- Sau khi xem xét, lựa chọn, Công ty sẽ thông báo kết quả và mời đơn vị đạt yêu cầu tiến hành thương thảo hợp đồng.

4. Thành phần hồ sơ và thời hạn nộp hồ sơ:

- Các nhà cung cấp dịch vụ, hàng hóa tự xây dựng bản chào giá và thông tin, cam kết rõ các khoản mục theo yêu cầu.
- Hồ sơ được đựng trong phong bì (túi) dán kín, bên ngoài có ghi thông tin của nhà cung ứng, nhà nhận cung ứng, đối tượng dịch vụ, hàng hóa cung cấp, các hồ sơ đựng phía trong:
 - + Hồ sơ năng lực, Quyết định thành lập, giấy phép kinh doanh,...
 - + Bản chào giá, biểu giá.
 - + Các cam kết và các thông tin liên quan theo yêu cầu tại mục 2.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ gốc và 02 bộ sao.
- Thời gian nộp: hạn chót lúc **17 giờ 00 phút ngày 19 tháng 12 năm 2025.**
- Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng Kỹ thuật vật tư - Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ, số 05 đường Võ Thị Sáu - phường Tân An - quận Ninh Kiều - TP. Cần Thơ. Điện thoại liên hệ: 0292.3811583 – Fax: 0292.3811583.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT “báo cáo”;
- Ban điều hành;
- T.BKS;
- Đăng Website Cty;
- Lưu VT, KTVT./-



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Phúc Như

DANH SÁCH XE - PHƯƠNG TIỆN YÊU CẦU CHÀO GIÁ BẢO HIỂM NĂM 2026
(kèm theo Hồ sơ yêu cầu chào giá ngày 12 /12/2025)

- Đơn vị yêu cầu bảo hiểm: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ
- Địa chỉ : Số 05 Võ Thị Sáu - P. Ninh Kiều - TP. Cần Thơ
- Thời gian bảo hiểm: 00giờ ngày 01/01/2026 đến 24giờ ngày 31/12/2026

STT	THÔNG TIN XE						GIÁ TRỊ XE	NỘI DUNG BẢO HIỂM				GHI CHÚ
	Biển số xe	Loại xe	Nhãn Hiệu	Năm SX	Năm sử dụng còn lại	Số chỗ / Trọng tải		TNDS BẮT BUỘC	TAI NẠN LÁI PHỤ XE	VẬT CHẤT XE	THUẾ VAT	
1	65A-106.59	ô tô KKD	Chevrolet Captiva	2008			07 chỗ					
2	65C-052.82	Tài ben	JAC	2003	3		2,35T					
3	65C-055.48	Tài	JAC	2004	4		1,95T					
4	65C-053.11	Tài ben	Isuzu	2004	4		1,8T					
5	65C-058.81	Tài ben	JAC	2004	4		2,35T					
6	65C-060.45	Ép	Isuzu	2004	4		3,9T					
7	65C-057.46	Ép rác	Isuzu	2004	4		3,9T					
8	65C-054.96	Ép rác	Isuzu	2004	4		3,9T					
9	65C-053.18	Ép	Isuzu	2004	4		3,9T					
10	65C-054.56	Ép rác	Isuzu	2004	4		3,9T					
11	65C-054.18	Tài ben	Isuzu	2005	5		4,5T					
12	65C-053.20	Tài ben	Isuzu	2005	5		4,5T					
13	65C-034.67	Ép rác	Hino	2005	5		6,5T					
14	65C-057.80	Ép rác	Hino	2005	5		6,5T					
15	65C-051.70	Ép rác	Hino	2005	5		6,5T					
16	65C-057.28	Ép	Hino	2005	5		6,5T					
17	65C-051.03	Ép rác	Hino	2005	5		6,5T					
18	65C-192.84	Ép rác	Hino	2005	5		6,5T					
19	65C-059.99	Ép	Hino	2007	7		6,75T					

STT	THÔNG TIN XE							NỘI DUNG BẢO HIỂM					GHI CHÚ
	Biển số xe	Loại xe	Nhãn Hiệu	Năm SX	Năm sử dụng còn lại	Số chỗ / Trọng tải	GIÁ TRỊ XE	TNDS BẤT BUỘC	TAI NẠN LÁI PHỤ XE	VẬT CHẤT XE	THUẾ VAT	TỔNG CỘNG	
20	65C-052.62	Ép rác	Hino	2007	7	6,75T	209.304.000						
21	65C-056.65	Ép rác	Hino	2007	7	6,75T	209.304.000						
22	65C-034.73	Ép rác	Hino	2007	7	6,75T	233.928.000						
23	65C-053.21	Tải ben	Hino	2008	8	8,5T	209.304.000						
24	65C-052.44	Tải ben	Hino	2009	9	6,5T	184.680.000						
25	65C-062.50	Hooklift	Isuzu	2009	9	6,25T	209.304.000						
26	65M-000.45	Ép rác	Mitsubishi	2012	12	2,4T	153.900.000						
27	65C-024.16	Ép rác	Mitsubishi	2012	12	2,4T	153.900.000						
28	65C-021.61	Xe bồn	THACO	2012	12	5T	153.900.000						
29	65C-023.40	Ép rác	Isuzu	2012	12	2,4T	184.680.000						
30	65C-018.68	bán tải	Toyota Hilux	2012	12	5 chỗ, 600kg	161.595.000						
31	65C-019.83	Ép rác	Hino	2012	12	4,5T	209.304.000						
32	65C-021.72	Ép rác	Hino	2012	12	4,5T	209.304.000						
33	65C-021.51	Ép rác	Hino	2012	12	6,5T	209.304.000						
34	65C-018.95	Ép rác	Hino	2012	12	4,5T	215.460.000						
35	65C-021.17	Hooklift	Isuzu	2012	12	5T	215.460.000						
36	65C-019.80	Tải cầu	Hino	2013	13	4,9T	233.928.000						
37	65C-037.90	Ép rác	Hino	2014	14	4,5T	236.520.000						
38	65C-032.07	Ép rác	Hino	2014	14	4,5T	236.520.000						
39	65C-036.65	Ép rác	Hino	2014	14	4,5T	236.520.000						
40	65C-035.20	Ép rác	Hino	2014	14	4,5T	236.520.000						
41	65C-060.46	Tải	Suzuki	2015	15	0,55T	92.340.000						
42	65C-061.93	Tải	Suzuki	2015	15	0,55T	92.340.000						
43	65C-087.40	Tải ben	VEAM	2016	16	1,49T	123.120.000						
44	65C-110.93	Tải	Suzuki	2017	17	0,46T	123.120.000						
45	65C-106.72	Tải ben	Suzuki	2017	17	0,615T	123.120.000						
46	65C-101.88	Tải	Huyndai	2017	17	0,7T	184.680.000						
47	65C-107.30	Ép rác	Isuzu	2017	17	1,4T	215.460.000						
48	65C-106.86	Rút HC	Isuzu	2017	17	2T	215.460.000						

STT	THÔNG TIN XE						GIÁ TRỊ XE	NỘI DUNG BẢO HIỂM					GHI CHÚ
	Biển số xe	Loại xe	Nhãn Hiệu	Năm SX	Năm sử dụng còn lại	Số chỗ / Trọng tải		TNDS BẤT BUỘC	TAI NẠN LÁI PHỤ XE	VẬT CHẤT XE	THUẾ VAT	TỔNG CỘNG	
49	65C-105.84	Xe bồn	Hino	2017	17	12T	288.360.000						
50	65C-105.63	Ép rác	Hino	2017	17	4T	288.360.000						
51	65C-103.33	Ép rác	Hino	2017	17	4T	288.360.000						
52	65C-129.30	Tài tự đồ	Isuzu	2018	18	2T	184.680.000						
53	65C-127.93	Tài tự đồ	Isuzu	2018	18	2T	184.680.000						
54	65C-125.99	Tài tự đồ	Isuzu	2018	18	2T	184.680.000						
55	65C-129.64	Tài tự đồ	Isuzu	2018	18	2T	184.680.000						
56	65C-129.81	Tài tự đồ	Isuzu	2018	18	2T	184.680.000						
57	65C-129.59	Tài tự đồ	Isuzu	2018	18	2T	184.680.000						
58	65C-129.35	Tài tự đồ	Isuzu	2018	18	2T	184.680.000						
59	65C-129.41	Tài tự đồ	Isuzu	2018	18	2T	184.680.000						
60	65C-129.43	Tài tự đồ	Isuzu	2018	18	2T	184.680.000						
61	65C-129.66	Tài tự đồ	Isuzu	2018	18	2T	184.680.000						
62	65C-072.66	Tài ben	Thaco	2010	10	2T	64.800.000						
63	65XA-0973	Cuốc bx	Cuốc bx 07	Cobelco			68.850.000						
64	65LA-0490	Xúc lật	Xúc lật	Mitsubish	1998		186.300.000						
			TỔNG				11.400.507.000						

Cần Thơ, ngày 12 tháng 12 năm 2025

